

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phạm Thị Ngọc

2- Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1203/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 739/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 716/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Phương T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C, Tổ G, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Đối diện nhà số E, Đường G, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2024, nguyên đơn bà Võ Thị Phương T trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 27/5/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông T1.

- Về con chung có 01 trẻ tên là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2021, bà yêu trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Do ông T1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt. Nguyên đơn bà Võ Thị Phương T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, ông T1 vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông T1 cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương T với ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 27/5/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Phương T xin ly hôn ông Nguyễn Văn T1:

Ông T1 không quan tâm, thương yêu bà T, ông T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến thể hiện ông T1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông T1.

[5] Về con chung có 01 trẻ tên là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2021.

[5.1] Xét bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con: Trẻ Nhân đang do bà T nuôi dưỡng. Bà T nuôi dưỡng con tốt, cần tạo điều kiện ổn định cho sự phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[5.2] Xét bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con là do bà T tự nguyện, bà T có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nếu ông T1 có yêu cầu gì về việc nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Phương T.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Phương T được ly hôn ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung có 01 trẻ tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2021. Bà T được trực tiếp nuôi trẻ Trọng Nhân. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Phương T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016431 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Trung Lập Thượng (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm